

NGHIÊN CỨU CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

● HOÀNG TÙNG

TÓM TẮT:

Vấn đề công bố thông tin (CBTT) và minh bạch thông tin về hoạt động kinh doanh có vai trò quan trọng đối với các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Bài viết tổng hợp các nghiên cứu về CBTT của ngân hàng thương mại (NHTM), phân tích thực trạng mức độ CBTT của NHTM ở Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện CBTT của NHTM ở Việt Nam.

Từ khóa: công bố thông tin, đo lường mức độ, ngân hàng thương mại.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề CBTT và minh bạch thông tin về hoạt động kinh doanh có vai trò quan trọng đối với các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Minh bạch thông tin giúp doanh nghiệp lành mạnh hóa hoạt động, hạn chế tình trạng bất đối xứng về thông tin, giúp cho nhà đầu tư và khách hàng tin tưởng vào hoạt động của doanh nghiệp, thông qua đó giảm thiểu các chi phí thông tin cho các bên liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh một số NHTM đã chú trọng đến việc CBTT, vẫn còn nhiều NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam hiện nay chưa quan tâm đúng mức và thể hiện đầy đủ trách nhiệm đối với các nhà đầu tư trong việc CBTT. Mặt khác, việc giám sát của các cơ quan quản lý TTCK trong thời gian qua còn một số hạn chế nên vẫn còn hiện tượng nhiều NHTM cố tình trì hoãn việc CBTT, không CBTT một cách đầy đủ hoặc CBTT không chính xác. Vấn đề này sẽ gia tăng tính bất đối xứng về thông tin giữa ngân hàng và nhà đầu tư, gây ra tâm lý bất an cho các nhà đầu tư. Vì vậy, vấn đề nâng cao hơn nữa tính minh bạch trong CBTT có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của TTCK Việt Nam.

Do vậy, bài viết nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu công bố thông tin của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam”.

2. Tổng quan các nghiên cứu về công bố thông tin của NHTM

Nghiên cứu về CBTT của các ngân hàng được thực hiện tách biệt với các doanh nghiệp do đặc trưng của hoạt động kinh doanh tiền tệ. Theo Hawashe (2014), rất ít các nghiên cứu đo lường mức độ CBTT của các ngân hàng để tìm hiểu mối quan hệ giữa các đặc điểm hoạt động kinh doanh của ngân hàng với mức độ CBTT. Ngân hàng là một doanh nghiệp đặc biệt vì liên quan trực tiếp đến các ngành kinh doanh khác và quan trọng hơn là hoạt động kinh doanh tiền tệ của ngân hàng có tính chất “nhạy cảm” cao, đòi hỏi phải có sự thận trọng trong quản lý và điều hành để tránh thiệt hại cho nền kinh tế.

Nghiên cứu đầu tiên về CBTT của ngân hàng được thực hiện bởi Kahl và Belkaoui (1981) đo lường mức độ cung cấp thông tin của 70 NHTM được lựa chọn từ 18 nước tư bản có nền kinh tế phát triển. Tiêu chí để lựa chọn đối tượng nghiên cứu là ngân hàng có cung cấp báo cáo tài chính bằng tiếng Anh. Kết quả của nghiên cứu cho thấy mức độ

CBTT của NHTM ở các nước là không giống nhau, đồng thời tác giả cũng tìm thấy mối quan hệ tích cực giữa quy mô ngân hàng và mức độ CBTT trên báo cáo tài chính của ngân hàng.

Các nghiên cứu khác về mức độ CBTT và nhân tố thông tin của các NHTM trên thế giới trong 10 năm trở lại đây, cụ thể:

- Abdul Hamid (2004) nghiên cứu tại 40 ngân hàng và công ty tài chính ở Malaysia dựa vào Báo cáo tài chính năm 1999, kết quả là tỷ lệ CBTT của các ngân hàng và các công ty tài chính là 70,8%.

- Hossain and Taylor (2007) nghiên cứu 20 ngân hàng tư nhân ở Bangladesh dựa vào báo cáo thường niên từ 2000 đến 2006, kết quả cho thấy tỷ lệ CBTT là 70,83%.

- Hossain (2008) nghiên cứu tại 38 NHTM Ấn Độ dựa vào báo cáo thường niên năm 2007, kết quả cho thấy 88% CBTT bắt buộc, 25% CBTT tự nguyện.

- Matingot and Zeghal (2008) tại 8 NHTM ở Canada dựa vào báo cáo thường niên 2003 cho kết quả tỷ lệ CBTT là 39,6%.

- Barako và Brown (2008) tại 40 NHTM ở Kenya dựa vào báo cáo thường niên 2007, kết quả là tỷ lệ CBTT đạt 15%.

- Kribat (2009) tại 11 ngân hàng tư nhân và ngân hàng nhà nước ở Libya dựa vào báo cáo thường niên trong giai đoạn 2000 - 2006, kết quả là tỷ lệ trung bình CBTT đạt 89,1%.

- Menassa (2010) tại 24 NHTM ở Lebanon dựa vào báo cáo thường niên 2006 cho kết quả tỷ lệ CBTT là 17%.

- Agyei-Mensah (2012) tại 21 ngân hàng ở Ghana dựa vào báo cáo thường niên 2009.

- Musa và cộng sự (2013) tại 8 ngân hàng ở Libya dựa trên báo cáo thường niên giai đoạn 2000 - 2006 cho kết quả tỷ lệ CBTT là 54,5%.

- Hawashe (2014) tại 7 ngân hàng niêm yết và 2 ngân hàng không niêm yết thị trường chứng khoán Libya cho kết quả tỷ lệ CBTT trên báo cáo tài chính là 76,2%.

- Nguyễn Minh Huy (2015) tại 16 NHTM Việt Nam dựa vào báo cáo tài chính 2012.

- Khan và Abera (2015) tại 17 NHTM ở Ethiopia dựa vào báo cáo thường niên giai đoạn 2008 - 2012, kết quả tỷ lệ CBTT là 36%.

- Lidiano và cộng sự (2015) tại 46 NHTM ở

Brazil dựa vào Báo cáo rủi ro chấp nhận giả thuyết của ngân hàng năm 2010, kết quả tỷ lệ CBTT trên báo cáo thường niên là 37%.

- Rashid và Aikaeli (2015) tại 31 NHTM ở Kenya dựa vào báo cáo thường niên 2013, kết quả là tỷ lệ CBTT là 62,8%.

- Rehman và cộng sự (2018) tại 24 NHTM niêm yết TTCK ở Pakistan dựa vào báo cáo thường niên 2015 và 2016, kết quả tỷ lệ CBTT 70%, thông tin bắt buộc là 100% và thông tin tự nguyện là 54%.

3. Mẫu nghiên cứu và phương pháp đo lường mức độ công bố thông tin của NHTM ở Việt Nam

Mẫu nghiên cứu là 27 NHTM niêm yết trên TTCK Việt Nam, số liệu được tổng hợp từ các Báo cáo thường niên trong giai đoạn 2016 - 2020 của các NHTM trên.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp tính điểm bình quân không trọng số với kỹ thuật đánh giá lưỡng phân (1,0) để đo lường mức độ CBTT trên báo cáo thường niên của NHTM dưới kết quả là tỷ lệ phần trăm thông tin được công bố trên tổng số danh mục các loại thông tin công bố trên báo cáo thường niên mà ngân hàng cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin bên ngoài. Nếu ngân hàng CBTT trong danh sách các chỉ mục thì nhận giá trị là 1, nếu không công bố thì nhận giá trị là 0. Chỉ số mức độ CBTT của mỗi ngân hàng (I) được tính theo công thức:

$$I_j = \frac{\sum_{i=1}^{n_j} d_{ij}}{n_j}$$

Trong đó, I_j là chỉ số CBTT của ngân hàng; $d_{ij} = 1$ nếu thông tin được công bố, $d_{ij} = 0$ nếu thông tin không được công bố; n là số lượng thông tin mà công ty công bố.

4. Kết quả nghiên cứu mức độ công bố thông tin của NHTM ở Việt nam

Dựa vào phương pháp tính điểm bình quân không trọng số và kỹ thuật đánh giá lưỡng phân (1;0), đề tài xác định tỷ lệ CBTT của 27 NHTM trong 5 năm 2016-2020 được trình bày ở Bảng 1 theo từng ngân hàng và từng năm nghiên cứu. Kết quả thống kê cho thấy, tỷ lệ CBTT trung bình của các ngân hàng trong giai đoạn 2016 - 2020 là 61% và có xu hướng gia tăng. Trong số 27 NHTM của mẫu nghiên cứu thì STB (Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín) là ngân hàng có tỷ

lệ CBTT cao nhất. Trong số 63 chỉ mục thông tin của bảng điều tra thì STB công bố hơn 61 chỉ mục thông tin, chiếm tỷ lệ bình quân là 97,8%. STB là ngân hàng có chỉ số CBTT cao nhất và luôn dẫn đầu qua các năm. Ngân hàng có tỷ lệ công bố thấp

nhất là KLB (Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long) với tỷ lệ CBTT bình quân là 38,4%, trong số 63 chỉ mục thông tin trên báo cáo thường niên thì KLB chỉ công bố gần 23 chỉ mục thông tin trên báo cáo thường niên của ngân hàng này.

Bảng 1. Tỷ lệ CBTT trên báo cáo thường niên của các NHTM

TT	Ngân hàng	Tỷ lệ % CBTTTN các năm					Tỷ lệ trung bình
		2016	2017	2018	2019	2020	
1	ACB	66,7	63,5	76,2	69,8	66,7	68,6
2	Agribank	38,1	42,9	41,3	41,3	46,0	41,9
3	ABBank	38,1	46,0	42,9	46,0	52,4	45,1
4	BAB	49,2	41,3	39,7	44,4	54,0	45,7
5	BaoVietBank	60,3	47,6	54,0	55,6	50,8	53,7
6	BID	61,9	61,9	61,9	61,9	63,5	62,2
7	EIB	79,4	82,5	82,5	84,1	85,7	82,9
8	KLB	33,3	36,5	39,7	34,9	47,6	38,4
9	LPB	46,0	46,0	46,0	58,7	50,8	49,5
10	MBB	79,4	74,6	76,2	68,3	73,0	74,3
11	MSB	60,3	63,5	63,5	65,1	73,0	65,1
12	NamABank	61,9	55,6	60,3	52,4	50,8	56,2
13	NVB	50,8	58,7	66,7	55,6	47,6	55,9
14	OCB	42,9	41,3	46,0	46,0	46,0	44,4
15	PVcomBank	52,4	57,1	57,1	57,1	58,7	56,5
16	SGB	39,7	42,9	41,3	42,9	42,9	41,9
17	SCB	73,0	73,0	69,8	60,3	69,8	69,2
18	SeABank	55,6	55,6	55,6	57,1	57,1	56,2
19	SHB	73,0	74,6	74,6	77,8	77,8	75,6
20	STB	96,8	96,8	98,4	98,4	98,4	97,8
21	TCB	68,3	68,3	68,3	68,3	68,3	68,3
22	TPB	49,2	49,2	49,2	49,2	50,8	49,5
23	VCB	88,9	90,5	90,5	90,5	90,5	90,2
24	VIB	34,9	46,0	46,0	44,4	44,4	43,2
25	VietCapital	39,7	57,1	31,7	41,3	41,3	42,2
26	CTG	82,5	87,3	87,3	87,3	87,3	86,3
27	VPB	82,5	85,7	87,3	87,3	87,3	86,0
Trung bình		59,4	61,0	61,3	61,0	62,3	61,0

Trong giai đoạn 2016 - 2020, STB luôn là ngân hàng dẫn đầu về tỷ lệ CBTT với kết quả từ 96% trở lên. Tuy nhiên, tỷ lệ CBTT thấp nhất của từng năm có sự không đồng đều. Kết quả thống kê tỷ lệ CBTT qua 5 năm cho thấy, KLB là ngân hàng có tỷ lệ CBTT thấp trong các năm 2016, 2017 và 2019, VietCapital là ngân hàng có tỷ lệ công bố thấp trong 2 năm 2019 và 2020, tỷ lệ CBTT chỉ đạt khoảng từ 30% - 40%.

Trong tổng số 27 NHTM của mẫu nghiên cứu, một số ngân hàng có mức độ tăng đáng kể tỷ lệ CBTT trên báo cáo thường niên. Ngân hàng KLB mặc dù có chỉ số CBTT thấp nhất, nhưng lại có mức độ tăng tỷ lệ công bố cao nhất trong các ngân hàng, với tỷ lệ CBTT tăng hơn 42,7% của năm 2020 so với năm 2016. Các ngân hàng cũng có tỷ lệ CBTT tăng cao trong giai đoạn 2013 - 2107 là ABB (Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình) với 37,5% và VIB là 27,3%.

Bảng 2 trình bày các chỉ tiêu thống kê về mức độ CBTT trên báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam. Tỷ lệ CBTT trung bình trong giai đoạn 2016 - 2020 là 61% với tỷ lệ thấp nhất là 35,6% và cao nhất là 97,8%. Tỷ lệ CBTT cao nhất

trong giai đoạn nghiên cứu là 98,4% thuộc về báo cáo thường niên của ngân hàng STB trong các năm 2018, 2019 và 2020. Tỷ lệ CBTT thấp nhất là 31,7% của báo cáo thường niên năm 2018 của ngân hàng Vietcapital. Độ lệch chuẩn của tỷ lệ CBTT trung bình cũng khá ổn định qua các năm từ 2016 - 2020.

Nghiên cứu cũng tiến hành đo lường và phân loại các ngân hàng có mức độ CBTT cao, khá cao, trung bình và thấp theo nhóm được trình bày ở Bảng 3. Kết quả phân loại cho thấy số lượng có tỷ lệ CBTT trên 80% chỉ chiếm khoảng 20% tổng số NHTM Việt Nam thuộc mẫu nghiên cứu. Các ngân hàng có tỷ lệ CBTT dưới 40% của năm 2016 là 5 ngân hàng (chiếm 18,5%). Tuy nhiên, số lượng ngân hàng có chỉ số CBTT thấp đã giảm dần qua 5 năm. Đáng chú ý là năm 2020, các NHTM Việt Nam có tỷ lệ CBTT trên báo cáo thường niên đạt mức trên 40% trong mẫu nghiên cứu là 100% (27/27 ngân hàng). Điều này cho thấy các ngân hàng đã chú trọng hơn đến việc cung cấp nhiều thông tin hơn trên báo cáo thường niên để các nhà đầu tư hiểu rõ hơn hoạt động của ngân hàng để yên tâm đầu tư.

Bảng 2. Giá trị trung bình về tỷ lệ CBTT trên báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	Trung bình
Giá trị trung bình	59,4	61,0	61,3	61,0	62,3	61,0
Độ lệch chuẩn	18,0	17,1	18,3	17,3	16,8	17,5
Median	60,3	57,1	60,3	57,1	57,1	58,4
Giá trị nhỏ nhất	33,3	36,5	31,7	34,9	41,3	35,6
Giá trị Lớn nhất	96,8	96,8	98,4	98,4	98,4	97,8

Bảng 3. Phân loại mức độ CBTT theo các nhóm

Tỷ lệ CBTT trung bình	2016	2017	2018	2019	2020
80% - 100%	6	5	5	5	5
60% - 79%	9	10	8	10	10
40% - 59%	7	11	11	11	12
Dưới 40%	5	1	3	1	0
Tổng	27	27	27	27	27

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch và đáng tin cậy của các thông tin tài chính và thống kê về kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng đó là việc tuân thủ các chính sách kế toán, phương pháp và chuẩn mực kế toán mà ngân hàng đã áp dụng nhằm xử lý số liệu kế toán - tài chính và CBTT trên báo cáo thường niên. Nhóm thông tin về chính sách kế toán được trình bày trên báo cáo thường niên gồm: các phương pháp kế toán tài sản cố định, các chuẩn mực kế toán sử dụng cho các tài khoản đặc thù cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng, các giao dịch liên quan đến ngoại tệ, các chính sách thuế và các nghiệp vụ phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.

Giai đoạn 2016 - 2020, các NHTM Việt Nam công bố khoảng 3 chỉ mục trong tổng 8 chỉ mục thông tin về các chính sách kế toán, chiếm tỷ lệ 43,1% mục. Nhóm thông tin về chính sách kế toán có mức độ CBTT thấp nhất trong 5 nhóm thông tin thuộc phạm vi nghiên cứu trên báo cáo thường niên. Những thông tin về việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán của NHTM thường được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính được công bố trong báo cáo thường niên. Do vậy, những ngân hàng trình bày đầy đủ các thông tin trong thuyết minh báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì có mức độ công bố cao, đạt tỷ lệ 100%. Điển hình có các ngân hàng lớn như VPB (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng), CTG (Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam), VCB (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) và STB. Trong tổng số 27 ngân hàng thuộc mẫu nghiên cứu thì có đến 10 ngân hàng không công bố bất kỳ thông tin nào về các phương pháp, chính sách kế toán liên quan đến số liệu về kết quả hoạt động của đơn vị trong 5 năm từ 2016 - 2020.

5. Một số giải pháp hoàn thiện công bố thông tin của NHTM ở Việt Nam

Hiện nay vẫn có nhiều ngân hàng chưa thường xuyên cung cấp báo cáo thường niên đầy đủ theo quy định ở khoản 2, Điều 8 Thông tư số 155/2015 của Bộ Tài chính. Các ngân hàng này cần nghiêm túc thực hiện việc công bố báo cáo thường niên đúng thời gian quy định. Nhà nước cần có các chế

tài xử phạt nghiêm khắc đối với các ngân hàng không công bố báo cáo thường niên nhằm tăng cường tính minh bạch thông tin của các NHTM trên thị trường chứng khoán và đảm bảo quyền tiếp cận thông tin một cách đầy đủ của các nhà đầu tư và các bên có liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Các ngân hàng đang có mức độ CBTT thấp cần phải rà soát lại những thông tin đã được công bố trên báo cáo thường niên trong những năm qua và đối chiếu với danh mục thông tin cần công bố theo hướng dẫn ở phần phụ lục số 02 trong Thông tư số 155/2015 của Bộ Tài chính để tiến hành bổ sung đầy đủ các nhóm thông tin, loại thông tin theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị và các cổ đông cần tăng cường sự giám sát việc cung cấp thông tin của Ngân hàng trên báo cáo thường niên để yêu cầu Ban Giám đốc ngân hàng cung cấp đầy đủ, rõ ràng thông tin trên báo cáo thường niên nhằm tăng cường tính minh bạch thông tin mà nhà quản lý ngân hàng phải có trách nhiệm thực hiện đối với nhà đầu tư.

Bên cạnh số lượng thông tin công bố, các ngân hàng cũng cần phải chú trọng đến chất lượng thông tin, tính đầy đủ và khách quan của thông tin công bố trên báo cáo thường niên. Theo Hawashi (2012) chất lượng thông tin công bố có vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến các quyết định kinh tế của nhà đầu tư và việc xây dựng định hướng chiến lược phát triển lâu dài của ngân hàng.

6. Kết luận

Các NHTM cần nhận thức vai trò quan trọng của CBTT, chú trọng đến việc tuyển dụng và đào tạo nhân viên phụ trách việc lập báo cáo thường niên để nhận thức được tầm quan trọng của các thông tin báo cáo thường niên, có kiến thức chuyên môn về kinh tế để xây dựng được hệ thống các thông tin công bố đúng theo quy định của Nhà nước. Đồng thời, việc này cũng làm phong phú thêm nội dung thông tin trên báo cáo thường niên đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng sử dụng thông tin khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của NHTM ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:**Tiếng Việt**

1. Bộ Tài chính (2012). *Thông tư 52/2012/TT-BTC Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*.
2. Bùi Ngọc Ly (2015). *Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trong báo cáo thường niên của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

3. Abdallah AL-Mahdy M.D Hawashe (2014). An Evaluation of Voluntary disclosure in the annual reports of commercial banks: Empirical evidence from Libya. [Online] Available at https://usir.salford.ac.uk/id/eprint/31513/3/Thesis_Abdallah_Hawshe_2014.pdf
4. Abdul Hamid, F. (2004). Corporate social disclosure by banks and finance companies: Malaysian evidence. *Corporate Ownership and Control*, 1(4), 118-130.
5. Abdulkadir, M. and Armin, S. (2016). Voluntary disclosure of corporate venture capital investments. *Journal of Banking & Finance*, 68, 69-83.
6. Adams, M., and Hossain, M. (1989). Managerial discretion and voluntary disclosure: empirical evidence from the New Zealand life insurance industry. *Journal of Accounting and Public Policy*, 17, 245-281.
7. Agca, A., and Önder, S. (2007). Voluntary disclosure in Turkey: a study on firms listed in Istanbul stock exchange (ISE). *Problems and Perspectives in Management*, 5(3), 241-251.

Ngày nhận bài: 7/5/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/5/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/6/2022

Thông tin tác giả:

PGS.TS. HOÀNG TÙNG

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

A STUDY ON THE INFORMATION DISCLOSURE OF COMMERCIAL BANKS IN VIETNAM

● Assoc.Prof. Ph.D **HOANG TUNG**

University of Economics, Da Nang University

ABSTRACT:

For organizations and individuals in the market economy, information disclosure and business transparency are important issues. This study presents an overview of information disclosure of commercial banks, and analyzes the current level of information disclosure of commercial banks in Vietnam. Based on the study's findings, some solutions are proposed to improve the information disclosure of Vietnamese commercial banks.

Keywords: information disclosure, level measurement, Commercial bank.